

Số: 6030 /QĐ-ĐHNL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng thạc sĩ cho **54 (năm mươi bốn)** học viên cao học khóa 2023 và 2024, hình thức chính quy.

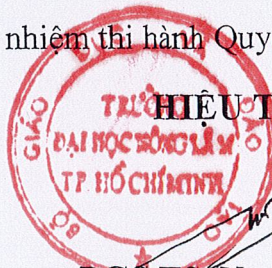
(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Học viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ sau khi hoàn tất thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và học viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

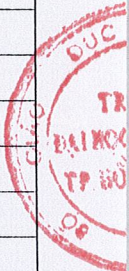


PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP

(kèm theo Quyết định số 6030 /QĐ-ĐHNL ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng trường ĐHNL)

STT	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
1	Trần Trung	Nguyên	Nam	05/10/1999	TP. Hồ Chí Minh	586/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 13/03/2023	CNSH	MNLU.23.25.327
2	Trần Minh	Chức	Nam	10/10/1991	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.328
3	Phạm Xuân	Đạt	Nam	13/12/1993	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	MNLU.23.25.329
4	Nguyễn Quốc	Linh	Nam	25/10/1983	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.330
5	Trịnh Thị Cẩm	Loan	Nữ	30/06/1989	Bà Rịa-Vũng Tàu		QLDD	MNLU.23.25.331
6	Hà Quang	Minh	Nam	17/01/1998	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.332
7	Trần Thanh	Phú	Nam	22/08/1983	TP. Hồ Chí Minh		QLDD	MNLU.23.25.333
8	Bùi Minh	Quận	Nam	27/07/1997	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.334
9	Lâm Thanh	Tuấn	Nam	15/08/1986	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.335
10	Đỗ Thị Cẩm	Hằng	Nữ	18/08/2000	Tiền Giang		QLTNMT	MNLU.23.25.336
11	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	06/04/1991	Bình Định		TY	MNLU.23.25.337
12	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	14/03/1994	Quảng Bình		TY	MNLU.23.25.338
13	Trương Tấn	Dương	Nam	09/12/2000	Long An	5083/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 21/12/2023	BVTV	MNLU.23.25.339
14	Đỗ Thị	Luyến	Nữ	24/12/1993	Quảng Ngãi		BVTV	MNLU.23.25.340
15	Đặng Hùng	Tấn	Nam	07/12/1988	Tiền Giang		BVTV	MNLU.23.25.341
16	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	07/03/2000	Đồng Nai		CNTP	MNLU.23.25.342
17	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	29/09/1997	Hậu Giang		CNTP	MNLU.23.25.343
18	Nguyễn Vũ Ngọc	Anh	Nữ	03/01/1989	TP. Hồ Chí Minh		KHCT	MNLU.23.25.344
19	Dương Văn	Định	Nam	03/11/1990	Hà Nam		KHCT	MNLU.23.25.345
20	Trần Đại	Lễ	Nam	08/01/1990	Bình Định		KHCT	MNLU.23.25.346
21	Ngô Ngọc Uyên	Nguyên	Nam	23/03/1985	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.347
22	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	28/08/1997	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.348
23	Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	16/06/1986	Hải Phòng		KHCT	MNLU.23.25.349
24	Dương Quốc	Thái	Nam	21/09/1991	Tây Ninh		KHCT	MNLU.23.25.350
25	Dương Văn	Toàn	Nam	28/09/1979	Vĩnh Long		KHCT	MNLU.23.25.351
26	Tường Thị Thu	Hằng	Nữ	25/07/1990	Hung Yên		KTCBLS	MNLU.23.25.352
27	Lê Hữu	Phước	Nam	29/03/1991	Gia Lai		KTCBLS	MNLU.23.25.353
28	Đặng Tiểu	Bình	Nam	18/01/1999	Đắk Lắk		KTCK	MNLU.23.25.354
29	Bùi Văn	Cương	Nam	26/04/2000	Quảng Ngãi		KTCK	MNLU.23.25.355
30	Vũ Anh	Đức	Nam	17/06/1978	Nghệ An		LH	MNLU.23.25.356
31	Lê Thanh	Hiền	Nam	19/05/1986	Tây Ninh		LH	MNLU.23.25.357
32	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	26/05/1999	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.358
33	Danh Thị Cẩm	Loan	Nữ	15/04/1996	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.359
34	Nguyễn Thanh	Nguyên	Nam	19/06/1991	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.360
35	Trần Minh	Nhật	Nam	29/10/1989	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.361
36	Trần Minh	Tâm	Nam	20/04/1987	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.362
37	Nguyễn Thanh	Trò	Nam	24/12/1989	Kiên Giang		QLDD	MNLU.23.25.363



STT	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Số vào sổ cấp văn bằng
38	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	07/10/1990	Tiền Giang		QLKT	MNLU.23.25.364
39	Trần Thị Kim	Thu	Nữ	20/10/2001	Đắk Lắk		QLKT	MNLU.23.25.365
40	Đào Thị	Hiền	Nữ	13/02/1987	Thái Bình	3526/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 21/08/2024	KHCT	MNLU.24.25.366
41	Lê Sơn	Đông	Nam	02/07/1986	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.367
42	Nguyễn Thị Ái	Hoa	Nữ	03/01/1986	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.368
43	Nguyễn Thị Minh	Hường	Nữ	07/11/1986	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.369
44	Bùi Thị Bích	Phương	Nữ	12/02/1984	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.370
45	Mai Thị	Phương	Nữ	10/12/1986	Thanh Hoá		QLKT	MNLU.24.25.371
46	Hoàng Thị Minh	Quyên	Nữ	22/08/1987	Thanh Hoá		QLKT	MNLU.24.25.372
47	Lê Thị Hồng	Thư	Nữ	01/06/1985	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.373
48	Lê Thành	Tiến	Nam	28/12/1980	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.374
49	Nguyễn Thị Hoàng	Tranh	Nữ	04/11/1989	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.375
50	Hoàng Văn	Tú	Nam	29/09/1987	Nghệ An		QLKT	MNLU.24.25.376
51	Trương Tô	Uyên	Nữ	28/07/1985	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.377
52	Mãn Tấn	Vinh	Nam	22/05/1984	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.378
53	Nguyễn Thị Trang	Vương	Nữ	10/02/1985	Ninh Thuận		QLKT	MNLU.24.25.379
54	Lê Ngọc	Giai	Nam	07/04/1998	Khánh Hoà		QLTNMT	MNLU.24.25.380

Danh sách gồm 54 học viên

Uhd

